

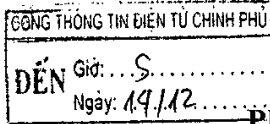
TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2245/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ và Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2012 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Khoa học và công nghệ là đòn bẩy của quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

- Sắp xếp, bố trí hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập gắn với chuyển đổi mô hình hoạt động, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, gắn hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Cơ cấu lại các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm; với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ nhằm nâng cao năng lực nội sinh của ngành, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020, phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ, tập trung ưu tiên một số lĩnh vực có thế mạnh; có thứ hạng cao trên thế giới ở một số lĩnh vực như công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học trong y tế và nông nghiệp, công nghệ vật liệu mới; ứng dụng và phát triển các công nghệ có ảnh hưởng quyết định đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế, tạo ra các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao. Đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới, tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 30% - 35% tăng trưởng kinh tế; giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tỷ lệ đổi mới công nghệ, thiết bị tăng trung bình 20%/năm, giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình 15%/năm. Đạt trình độ nhóm có thứ hạng khá trên thế giới về chỉ số đổi mới sáng tạo.

- Hình thành đồng bộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao; phát triển các tổ chức, tập thể khoa học và công nghệ mạnh, các nhà khoa học đầu ngành. Hoàn thành quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập, xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại. Phát triển mạnh các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

III. NỘI DUNG TÁI CƠ CẤU

1. Tiềm lực khoa học và công nghệ

a) Nhân lực khoa học và công nghệ

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đồng bộ nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cả về số lượng và chất lượng phục vụ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ theo yêu cầu, phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế.

- Phát triển và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tại các cơ sở nghiên cứu, các doanh nghiệp; tăng cường hoạt động phối hợp nghiên cứu giữa các đơn vị nghiên cứu, sản xuất và đào tạo.

- Phát triển và phát huy đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; xây dựng các nhóm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mạnh phục vụ giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế.

b) Tổ chức khoa học và công nghệ

- Cơ cấu lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; phù hợp với các lĩnh vực khoa học và hướng công nghệ ưu tiên.

- Tập trung đầu tư phát triển các trung tâm nghiên cứu hiện đại đủ năng lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực ưu tiên.

- Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, nhất là các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

- Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu và phát triển công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài và chi nhánh của các viện nghiên cứu nước ngoài ở Việt Nam.

- Hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo.

c) Hạ tầng khoa học và công nghệ

- Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển các lĩnh vực khoa học và công nghệ theo hướng gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, vùng, địa phương. Rà soát lại các dự án đầu tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và chương trình đã được phê duyệt.

- Tập trung huy động nguồn lực, thu hút đầu tư để xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả các khu công nghệ cao quốc gia, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung.

- Hình thành và phát triển một số mô hình (viện hoặc trung tâm) nghiên cứu tại các vùng kinh tế trọng điểm; các trung tâm nghiên cứu hiện đại trong các lĩnh vực ưu tiên gắn với các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm chuyên ngành, có liên kết với các tổ chức khoa học và công nghệ tiên tiến nước ngoài.

- Quy hoạch, đầu tư nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và đáp ứng yêu cầu hoạt động khoa học và công nghệ của các ngành, các vùng, các lĩnh vực khoa học và hướng công nghệ ưu tiên.

- Khuyến khích doanh nghiệp thành lập các phòng thí nghiệm, kết nối với hệ thống phòng thí nghiệm thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học.

- Đầu tư phát triển hạ tầng thông tin và thông kê khoa học và công nghệ quốc gia theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hoá. Phát triển và sử dụng hiệu quả thông tin khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế. Tăng cường kết nối với các hệ thống thông tin khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

- Cơ cấu lại các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng tập trung phát triển các công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp phụ trợ.

- Điều chỉnh cơ cấu hợp lý giữa nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ với tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam.

- Cơ cấu, sắp xếp lại các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia theo hướng: lồng ghép một số chương trình hoặc nội dung thuộc chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước vào các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ; điều chỉnh hợp lý số lượng nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản và nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong một chương trình.

b) Triển khai nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo các định hướng chủ yếu sau:

- Phát triển công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ cơ khí - tự động hóa, công nghệ môi trường và công nghệ hạt nhân.

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ trong các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, y-dược, giao thông, xây dựng, năng lượng, khoa học và công nghệ biển, khoa học và công nghệ quản lý và sử dụng tài nguyên, khoa học và công nghệ vũ trụ.

- Chú trọng triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong các vùng kinh tế trọng điểm; tiếp tục triển khai thực hiện một số chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các vùng, điều chỉnh việc tổ chức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm.

- Chú trọng chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực, công đoạn sản xuất để nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất và giá trị gia tăng cao.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ

a) Hoàn thiện khung pháp lý

- rà soát bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ theo hướng đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc hoạch định cơ chế, chính sách và định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

b) Bổ sung, hoàn thiện và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách mới về hoạt động khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, kết hợp giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo trong các trường đại học.

- Điều chỉnh bổ sung và thực thi có hiệu quả cơ chế: đánh giá độc lập, hội đồng tư vấn, phản biện, giám định xã hội, thuê chuyên gia thuộc các lĩnh vực ưu tiên đối với các hoạt động khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng tư vấn của các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ.

- Đổi mới công tác quản lý tài chính, tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ cao cho thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ.

- Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chương trình, đề án khoa học và công nghệ quốc gia, dự án khoa học và công nghệ quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc có tác động mạnh mẽ đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế (hoặc sản phẩm Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế).

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Thúc đẩy mối liên kết ba bên giữa nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ - doanh nghiệp - nhà nước, quan tâm hỗ trợ hoạt động sáng kiến của người dân.

2. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

a) Về nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh triển khai chính sách sử dụng, trọng dụng và tôn vinh cán bộ khoa học và công nghệ; chính sách thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ của lực lượng cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các cấp.

- Chuẩn hóa cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan chuyên môn quản lý khoa học và công nghệ ở Trung ương và địa phương.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, thu hút chuyên gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ làm việc trong các doanh nghiệp.

b) Về hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ

- Tổ chức đánh giá, công bố xếp hạng và lựa chọn các tổ chức khoa học và công nghệ công lập có tiềm năng để tập trung đầu tư nâng cấp hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, đại học nghiên cứu theo mô hình tiên tiến của thế giới; sát nhập hoặc giải thể tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động không hiệu quả.

- Thí điểm hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước để nâng cao tiềm lực cho một số tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập có tiềm năng phát triển, hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước. Thí điểm cổ phần hóa một số tổ chức công lập thực hiện chức năng dịch vụ công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Thành lập một số tổ chức khoa học và công nghệ theo mô hình tiên tiến có vốn nước ngoài hoặc liên kết với các tổ chức khoa học tiên tiến nước ngoài, hoạt động theo cơ chế đặc biệt. Thúc đẩy hình thành các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp.

- Hình thành và phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ: các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, trong đó chú trọng dịch vụ chuyên gia công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

3. Tiếp tục đổi mới phương thức đầu tư và cơ chế tài chính

a) Về phương thức đầu tư

- Ưu tiên đầu tư tăng cường năng lực hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm và phòng thí nghiệm chuyên ngành, nhất là các phòng thí nghiệm phục vụ trực tiếp phát triển các sản phẩm chủ lực và công nghệ ưu tiên.

- Huy động hợp lý các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, bảo đảm tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt trên 2% GDP và trong đó tỷ trọng ngân sách nhà nước khoảng 30% - 35%.

- Điều chỉnh cơ cấu trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ phù hợp với năng lực và định hướng phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, các ngành, địa phương và phù hợp với định hướng cơ cấu đóng góp của các ngành, lĩnh vực vào GDP quốc gia, đảm bảo đúng mục đích tránh dàn trải. Hàng năm dành khoảng 30% trong tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ để đầu tư phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ.

- Giao quyền chủ động cho các Bộ, ngành, địa phương và gắn trách nhiệm về hiệu quả sử dụng với trách nhiệm của thủ trưởng các tổ chức trực tiếp sử dụng ngân sách.

- Triển khai thực hiện cơ chế hợp tác công tư đồng tài trợ (PPP), cơ chế đầu tư đặc biệt đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy mô lớn.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế đầu tư của nhà nước vào hoạt động đầu tư mạo hiểm và thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao, hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Thực hiện các cơ chế chính sách để huy động nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư vào phát triển hạ tầng kỹ thuật khoa học và công nghệ, phát triển các công nghệ, các sản phẩm có lợi thế, có tiềm năng phát triển và có khả năng dẫn dắt chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong các ngành, địa phương.

- Mở rộng việc tìm kiếm và triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu theo hình thức hợp tác song phương và đa phương với các nước có nền khoa học phát triển để tiếp cận công nghệ hiện đại và thu hút kinh phí đầu tư từ nước ngoài cho khoa học và công nghệ.

b) Về cơ chế tài chính

- Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập, thực hiện cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần, cấp kinh phí thực hiện thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giao dự toán lương và hoạt động bộ máy của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của các Quỹ quốc gia về khoa học và công nghệ; xúc tiến thành lập và đẩy mạnh hoạt động của hệ thống các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, gắn với hiệu quả hoạt động và khả năng huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

4. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu triển khai, khai thác sáng chế, giải mã công nghệ nhập khẩu, ưu tiên mua bán công nghệ nội địa do các tổ chức khoa học và công nghệ tạo ra.

- Thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng và đào tạo nhân lực về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp.

- Phát triển nhanh và đồng bộ các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

- Đổi mới phương thức tổ chức chợ công nghệ thiết bị, kết nối cung cầu công nghệ, thương mại điện tử trong khoa học và công nghệ.

- Đẩy nhanh thực hiện áp dụng cơ chế thị trường trong cung ứng các dịch vụ công, dịch vụ hạ tầng về khoa học và công nghệ.

5. Thúc đẩy phát triển mối liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp nhằm thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ

- Phát triển mạng lưới các tổ chức xúc tiến liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp. Xây dựng mô hình phòng thí nghiệm phối thuộc, nhóm nghiên cứu hỗn hợp viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp.

- Phát triển mạnh hình thức doanh nghiệp đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện; liên kết với viện, trường xây dựng và cùng tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

- Thí điểm thành lập quỹ đầu tư khoa học và công nghệ với sự tham gia của các trường đại học, viện nghiên cứu, các nhà khoa học, nhà nước và doanh nghiệp.

6. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. Tạo cơ chế, chính sách thuận lợi để thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hợp tác liên kết nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Đẩy mạnh việc thực hiện các hiệp định song phương đa phương. Tạo đột phá trong thu hút các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam; phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.

7. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

- Đơn giản hóa quy trình và thủ tục, giảm thời gian và chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Tích cực triển khai Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính

8. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội về khoa học và công nghệ.

Tăng cường công khai minh bạch thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, kết quả chuyển giao và ứng dụng các sản phẩm khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống xã hội.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện Đề án.

- Xây dựng kế hoạch hành động, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện trên cơ sở lồng ghép các nội dung và giải pháp của Đề án trong quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương.

- Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện các nội dung của Đề án theo quy định.

3. Các Bộ, ngành, địa phương

- Tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

- Gắn kết, lồng ghép việc thực hiện các nội dung và giải pháp của Đề án trong quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, định kỳ hàng năm đánh giá tình hình thực hiện gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

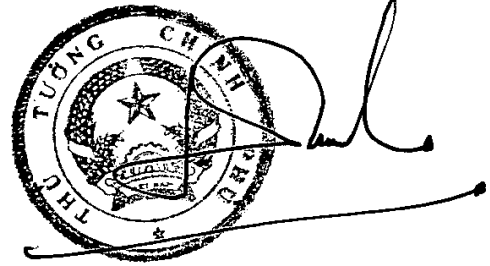
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTT, KTN, TCCV, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (3b). 134

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng